

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 228/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đào Văn D, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn 7, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn 7, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

[1] Về hôn nhân: Anh Đào Văn D và chị Trần Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 18/12/2004 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy hôn nhân giữa anh D và chị Th là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột; hai bên gia đình đã hòa giải, dàn xếp nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; Từ đầu năm năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn sự quan tâm chăm sóc đến nhau. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh, chị xét thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh D và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh và chị.

[2] Về con chung: Anh D và chị Th có 03 con chung là cháu Đào Thị Th, sinh ngày 09/01/2005; cháu Đào Thị Tr, sinh ngày 05/11/2006 và cháu Đào Thị Thảo U, sinh ngày 07/12/2012. Hiện các cháu đang ở với chị Th. Nguyên vọng của cháu Th, cháu Tr là được ở với mẹ. Anh D và chị Th thỏa thuận: Ly hôn chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đào Thị Th, cháu Đào Thị Tr và cháu Đào Thị Thảo U; Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho anh chị về việc yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là để đảm bảo quyền lợi cho các con, tuy nhiên chị Th khẳng định: chị có công việc thu nhập ổn định có đủ điều kiện nuôi con; Anh D điều kiện kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Anh chị thỏa thuận: Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy thỏa thuận của anh D và chị Th là tự nguyện và phù hợp, tại thời điểm thỏa thuận chị Th có đủ khả năng, điều kiện nuôi con nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản: Anh D và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh D, chị Th thỏa thuận, anh D nộp toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy thỏa thuận của anh, chị là phù hợp, tự nguyện nên chấp nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/9/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Đào Văn D và bị đơn chị Trần Thị Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Đào Văn D và chị Trần Thị Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đào Văn D và chị Trần Thị Th có 03 con chung là cháu Đào Thị Th, sinh ngày 09/01/2005; cháu Đào Thị Tr, sinh ngày 05/11/2006 và cháu Đào Thị Thảo U, sinh ngày 07/12/2012. Chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Thị Th, cháu Đào Thị Tr và cháu Đào Thị Thảo U; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: D và chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Anh D nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001725 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Anh D được trả lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quảng Xương;
- Chi cục THADS Quảng Xương;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Dung